

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt điều chỉnh đơn giá khởi điểm để tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất đối với 21 lô đất ở trên địa bàn thành phố Quy Nhơn của Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Luật Đấu giá tài sản ngày 17/11/2016;

Căn cứ Quyết định số 1279/QĐ-UBND ngày 20/4/2023 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh đơn giá khởi điểm để tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất đối với 23 lô đất ở tại các Khu đất: Dải cây xanh thuộc Khu tái định cư phục vụ dự án xây dựng Khu Đô thị - Thương mại phía Bắc sông Hà Thanh, thành phố Quy Nhơn; Hợp tác xã Bình Minh, phường Quang Trung, thành phố Quy Nhơn; Khu quy hoạch dân cư dọc đường Hoa Lư (nối dài), thành phố Quy Nhơn và Khu tái định cư phục vụ dự án nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 1D tại Khu HH1 và HH2 thuộc Khu quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000 KV1 và KV9;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Văn bản số 269/TTr-STC ngày 05/6/2023 kèm theo Biên bản họp Hội đồng thẩm định giá đất của tỉnh ngày 02/6/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh đơn giá khởi điểm để tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất đối với 21 lô đất ở trên địa bàn thành phố Quy Nhơn của Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh; chi tiết như Phụ lục kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chỉ đạo, hướng dẫn Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện công tác đấu giá quyền sử dụng đất đối với 21 lô đất ở nêu trên theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 1279/QĐ-UBND ngày 20/4/2023 của UBND tỉnh.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Tài nguyên và Môi trường; Giám đốc Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: TC, TP, TN&MT;
- PVP KT;
- Lưu: VT, K16.



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Tự Công Hoàng

PHỤ LỤC 01
ĐIỀU CHỈNH ĐƠN GIÁ KHỞI ĐIỂM CỦA 12 LÔ ĐẤT Ở THUỘC DẢI
CÂY XANH THUỘC KHU TÁI ĐỊNH CƯ PHỤC VỤ DỰ ÁN XÂY DỰNG
KHU ĐÔ THỊ - THƯƠNG MẠI PHÍA BẮC SÔNG, THÀNH PHỐ QUY NHƠN

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày /6/2023 của UBND tỉnh)

STT	Ký hiệu lô đất	Số lô	Diện tích (m2)	Tên đường	Lộ giới (m)	Đơn giá đất ở khởi điểm đã được UBND tỉnh phê duyệt tại QĐ số 1279/QĐ-UBND ngày 20/4/2023 (đồng/m2)	Đơn giá khởi điểm Sở Tài chính đề nghị phê duyệt điều chỉnh (đồng/m2)	Tỷ lệ (%) tăng +; giảm -	Ghi chú
1	D6-1	1	185,40	Đường ĐS5 và đường ĐS13 và đường ĐS9	13 5,5 9	32.400.000	30.780.000	-5%	Lô góc (đã nhân hệ số 1,2)
2	D6-2	1	192,40	Đường ĐS5 và đường ĐS13	13 5,5	27.000.000	25.650.000	-5%	
3	D6-3	1	195,70	Đường ĐS5 và đường ĐS13	13 5,5	27.000.000	25.650.000	-5%	
4	D6-4	1	199,00	Đường ĐS5 và đường ĐS13	13 5,5	27.000.000	25.650.000	-5%	
5	D6-5	1	202,40	Đường ĐS5 và đường ĐS13	13 5,5	27.000.000	25.650.000	-5%	
6	D6-6	1	205,70	Đường ĐS5 và đường ĐS13	13 5,5	27.000.000	25.650.000	-5%	
7	D6-8	1	212,30	Đường ĐS5 và đường ĐS13	13 5,5	27.000.000	25.650.000	-5%	
8	D6-9	1	215,60	Đường ĐS5 và đường ĐS13	13 5,5	27.000.000	25.650.000	-5%	
9	D6-11	1	262,20	Đường ĐS5 và đường ĐS13	13 5,5	27.000.000	25.650.000	-5%	
10	D6-12	1	234,90	Đường ĐS5 và đường ĐS13	13 5,5	27.000.000	25.650.000	-5%	
11	D6-13	1	215,70	Đường ĐS5 và đường ĐS13	13 5,5	27.000.000	25.650.000	-5%	
12	D6-14	1	219,40	Đường ĐS5 và đường ĐS13	13 5,5	27.000.000	25.650.000	-5%	
Cộng		12	2.540,7						

PHỤ LỤC 02

**ĐIỀU CHỈNH ĐƠN GIÁ KHỞI ĐIỂM CỦA 09 LÔ ĐẤT Ở THUỘC KHU TĐC PHỤC VỤ DỰ ÁN NÂNG CẤP,
MỞ RỘNG QUỐC LỘ 1D TẠI KHU HH1 VÀ HH2 THUỘC KHU QUY HOẠCH PHÂN KHU TỶ LỆ
1/2000 KV1 VÀ KV9, PHƯỜNG TRẦN QUANG ĐIỀU, THÀNH PHỐ QUY NHƠN**

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày /6/2023 của UBND tỉnh)

STT	Ký hiệu lô đất	Số lô	Diện tích (m2)	Tên đường	Lộ giới (m)	Đơn giá đất ở khởi điểm đã được UBND tỉnh phê duyệt tại QĐ số 1279/QĐ-UBND ngày 20/4/2023 (đồng/m2)	Đơn giá khởi điểm Sở Tài chính đề nghị phê duyệt điều chỉnh (đồng/m2)	Tỷ lệ (%) tăng +; giảm -	Ghi chú	
1	C23	1	124,50	Đường ĐS 1a Đường Quy hoạch 14m	19,5 14	22.200.000	21.090.000	-5%	Lô góc (đã nhân hệ số 1,2)	<i>Đối với đường ĐS1a, theo Bản đồ Quy hoạch điều chỉnh do UBND TP Quy Nhơn phê duyệt, đoạn này là 19,5m; hiện trạng thực tế là 14m</i>
2	C24	1	130,00	Đường ĐS 1a	19,5	18.500.000	17.575.000	-5%		
3	D1	1	103,00	Đường ĐS 1a Đường Quy hoạch 14m	18 14	21.600.000	20.520.000	-5%	Lô góc (đã nhân hệ số 1,2)	
4	D2	1	108,00	Đường ĐS 1a	18	18.000.000	17.100.000	-5%		<i>Đối với đường ĐS1a, theo Bản đồ Quy hoạch điều chỉnh do UBND TP Quy Nhơn phê duyệt, đoạn này là 18m; hiện trạng thực tế là 14m</i>
5	D3	1	108,00	Đường ĐS1a	18	18.000.000	17.100.000	-5%		
6	D29	1	109,00	Đường Quy hoạch 14m	14	17.000.000	16.150.000	-5%		
7	D32	1	109,00	Đường Quy hoạch 14m	14	17.000.000	16.150.000	-5%		
8	D33	1	109,00	Đường Quy hoạch 14m	14	17.000.000	16.150.000	-5%		
9	D34	1	104,50	Đường Quy hoạch 14m	14	20.400.000	19.380.000	-5%	Lô góc (đã nhân hệ số 1,2)	
Tổng cộng		9	1.005,00							